

Số: ~~1416~~ /QĐ-BVML

Yên Lãng, ngày 18 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 2: Gói thầu thuốc biệt dược gốc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc, dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc năm 2025-2026 cho Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN MÊ LINH

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số: 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017 của Quốc hội về Quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật số 10/2022/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc hội khóa 15 về thực hiện dân chủ cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công;

Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017;

Căn cứ Quyết định số 1126/QĐ-BVML ngày 22/7/2025 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói số 2: Gói thầu thuốc biệt dược gốc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc, dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc năm 2025-2026 cho Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính- Kế toán Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu gói số 2: Gói thầu thuốc biệt dược gốc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc, dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc năm 2025-2026 cho Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh

(Có danh mục đính kèm)

Hình thức công khai: Công khai tại trang thông tin điện tử nội bộ và niêm yết tại bảng tin của đơn vị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực sau 90 ngày.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng các khoa, phòng có liên quan thi hành Quyết định này./.

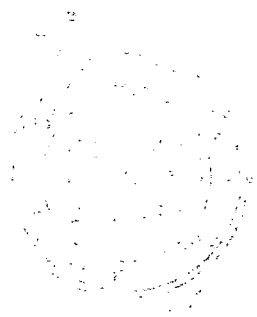
Nơi nhận:

- Sở y tế Hà Nội (Để báo cáo);
- Lưu: VT, TC_KT.



GIÁM ĐỐC

Trần Quang Trịnh



Số: 1126/QĐ-BVML

Mê Linh, ngày 22 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc qua mạng
Gói số 2: Gói thầu thuốc biệt dược gốc, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà
thầu cung cấp thuốc, dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc năm 2025-2026
cho Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN MÊ LINH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật số 57/2024/QH15 của Quốc hội về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư 23/2024/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu tư: Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội quy định một số thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 860/QĐ-BVML ngày 28/5/2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh về việc phê duyệt giá trị dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc năm 2025-2026 cho Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh;

Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-BVML ngày 31/5/2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc, dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc năm 2025-2026 cho Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh;

Căn cứ Quyết định số E2500251017_2506041734 ngày 5/6/2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu Gói số 2: Gói thầu thuốc biệt dược gốc thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm thuốc năm 2025-2026 cho Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh;

Căn cứ báo cáo đánh giá E-HSDT gói số 2: Gói thầu thuốc biệt dược gốc số 463/BVML-TCG ngày 15/7/2025 của Tổ chuyên gia;

Căn cứ báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của tổ thẩm định số 471/BC-BVML ngày 21 tháng 7 năm 2025;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia tại Tờ trình số 467/TTr-BVML ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói số 2: Gói thầu thuốc biệt dược gốc;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói số 2: Gói thầu thuốc biệt dược gốc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc, dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc năm 2025-2026 cho Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh, gồm các nội dung sau:

1. Thông tin về gói thầu:
 - Số IB2500251017, thời điểm đăng tải 19 giờ 53 phút, ngày 3/6/2025;
 - Tên gói thầu: Gói số 2: Gói thầu thuốc biệt dược gốc;
 - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có): 2.687.888.600VND
 - Tên chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh;
 - Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng, xét theo từng phần của gói thầu;
 - Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
 - Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày;
2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

Stt	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Giá trúng thầu	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	vn0100108536	148.200.000	148.200.000	148.200.000	365 ngày	365 ngày	Không

2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	vn0100109699	547.928.000	547.928.000	547.928.000	365 ngày	365 ngày	Không
3	Công ty TNHH một thành viên Dược liệu TW2	vn0103053042	1.761.616.900	1.761.616.900	1.446.733.300	365 ngày	365 ngày	Không
4	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed	vn0316417470	256.137.500	256.137.500	256.137.500	365 ngày	365 ngày	Không

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu: Không

4. Thông tin về hàng hóa trúng thầu: Chi tiết tại Bảng số 01 đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Khoa Dược, phòng Tài chính kế toán và các khoa phòng liên quan căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Hội đồng thuốc và điều trị, Khoa Dược, phòng Tài chính kế toán cùng các Khoa, phòng có liên quan của Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, Dược.



GIÁM ĐỐC

Trần Quang Trịnh

Bảng số 1

DANH SÁCH NHÀ THẦU VÀ DANH MỤC VẮC XIN TRÚNG THẦU

Gói số 2: Gói thầu thuốc biệt dược gốc

(Kèm theo Quyết định số: 1116 /QĐ-BVML ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh)

ST T	STT_E-HSM_T*	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng có VAT)	Thành tiền (đồng có VAT)	Nhóm thuốc
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1																
1	12	Xenetix 300	Iodine (dưới dạng Iobitridol 65,81g/100ml)	300mgI/1ml x 100ml	VN-16787-13; Gia hạn số: 265/QĐ-QLD ngày 11/05/2022	Tiêm	Dung dịch tiêm	36 tháng	Guerbet	Pháp	Hộp 10 lọ 100 ml	Lọ	300	494.000,0	148.200.000	BDG
Cộng: 01 khoản															148.200.000	
1. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI																
1	7	Plavix 75mg	Clopidogrel hydrogen sulphate tương đương 97,875mg với Clopidogrel base 75mg	75 mg	VN-16229-13 (có Quyết định gia hạn số đăng ký)	Uống	Viên nén bao phim	36 tháng	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 1 vỉ x 14 viên	viên	2.000	16.819,0	33.638.000	BDG
2	20	Lantus Solostar	Insulin glargine	100 đơn vị/1ml	QLSP-857-15 (có Quyết định gia hạn số đăng ký)	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	36 tháng	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	Hộp 5 bút tiêm x 3ml	Bút tiêm	2.000	257.145,0	514.290.000	BDG
Cộng: 02 khoản															547.928.000	
4. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2																
1	1	Sevorane	Sevofluran	250ml	800114034723	Gây mê qua đường hô hấp	Dược chất lỏng nguyên chất dùng để hít	36 tháng	Abbvie S.r.l	Ý	Hộp 1 chai 250ml	Chai	20	3.578.500,0	71.570.000	BDG

ST T	STT_E-HSM T*	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng có VAT)	Thành tiền (đồng có VAT)	Nhóm thuốc
2	3	Concor 5mg	Bisoprolol fumarate	5mg	VN-17521-13	Uống	Viên nén bao phim	36 tháng	CSSX: Merck Healthcare KGaA; CSĐG: P&G Health Austria GmbH & Co. OG	CSSX: Đức, CSĐG: Áo	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	10.000	4.290,0	42.900.000	BDG
3	4	Nebilet (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Berlin Chemie AG, đ/c: Glienicker Weg 125, 12489 Berlin, Germany)	Nebivolol (dưới dạng Nebivolol hydrochloride)	5mg	VN-19377-15	Uống	Viên nén	36 tháng	Berlin Chemie AG (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Berlin Chemie AG)	Đức (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Đức)	Hộp 1 vi x 14 viên	Viên	10.000	7.600,0	76.000.000	BDG
4	6	Procoralan 7.5mg	Ivabradine (dưới dạng Ivabradine hydrochloride 8,085mg) 7,5mg	7,5mg	300110526224	Uống	Viên nén bao phim	36 tháng	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 4 vi x 14 viên	Viên	1.000	10.546,0	10.546.000	BDG
5	9	Xarelto	Rivaroxaban	20 mg	VN-19014-15	Uống	Viên nén bao phim	36 tháng	Bayer AG	Đức	Hộp 1 vi x 14 viên	Viên	1.000	58.000,0	58.000.000	BDG
6	10	Lipanthyl NT 145mg	Fenofibrat (dưới dạng fenofibrate nanoparticles)	145mg	VN-21162-18	Uống	Viên nén bao phim	36 tháng	Fournier Laboratories Ireland Limited. Đóng gói và xuất xưởng: Astrea Fontaine	Ireland đóng gói Pháp	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	600	10.561,0	6.336.600	BDG
7	11	Eumovate Cream	Clobetasone Butyrate (dưới dạng micronised)	5g ; 0,05% (kl/kl)	500100028323	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	24 tháng	Glaxo Operations UK Limited	Anh	Hộp 1 tuýp 5g	Tuýp	300	20.269,0	6.080.700	BDG

ST T	STT_E-HSM T*	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	GDKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng có VAT)	Thành tiền (đồng có VAT)	Nhóm thuốc
8	15	Daflon 500mg	Phân đoạn Flavonoid vi hạt tinh chế ứng với: Diosmin 90% 450mg; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 10% 50mg	450mg; 50mg	VN-22531-20	Uống	Viên nén bao phim	48 tháng	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 4 vi x 15 viên	Viên	50.000	3.886,0	194.300.000	BDG
9	16	Forxiga	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat)	10mg	VN3-37-18	Uống	Viên nén bao phim	36 tháng	CSSX: AstraZeneca Pharmaceuticals LP; CSĐG và xuất xưởng lô: AstraZeneca UK Ltd	CSSX: Mỹ, CSĐG và xuất xưởng lô: Anh	Hộp 2 vi x 14 viên	Viên	2.000	19.000,0	38.000.000	BDG
10	17	Glucovance 500mg/2,5mg	Metformin hydrochlorid (tương đương với metformin 390 mg); glibenclamid	500mg/2,5mg	VN-20022-16	Uống	Viên nén bao phim	36 tháng	Merck Sante s.a.s	Pháp	Hộp 2 vi x 15 viên	Viên	40.000	4.560,0	182.400.000	BDG
11	18	Diamicon MR	Gliclazide	30mg	VN-20549-17	Uống	Viên nén phóng thích có kiểm soát	36 tháng	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 2 vi x 30 viên	Viên	60.000	2.682,0	160.920.000	BDG
12	19	Diamicon MR 60mg	Gliclazide	60mg	VN-20796-17	Uống	Viên nén phóng thích có kiểm soát	36 tháng	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 2 vi x 15 viên	Viên	90.000	5.126,0	461.340.000	BDG
13	21	Pulmicort Respules	Budesonide	500mcg/2ml	VN-22715-21	Hít/Đường hô hấp	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	24 tháng	Astrazeneca Pty., Ltd	Úc	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	Ống	10.000	13.834,0	138.340.000	BDG
Cộng: 13 khoản															1.446.733.300	
3. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED																

ST T	STT E-HSM T*	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng có VAT)	Thành tiền (đồng có VAT)	Nhóm thuốc
1	2	Eprex 2000 U	Epoetin alfa	2000 IU/0,5ml	QLSP-971-16 (Có QĐ gia hạn số 683/QĐ-QLD ngày 25/10/2022)	Tiêm	Dung dịch tiêm	18 tháng	Cilag AG	Thụy Sĩ	Hộp 6 ống tiêm chứa sẵn 0,5ml thuốc kèm kim tiêm an toàn	Ống	500	234.899,0	117.449.500	BDG
2	5	Actilyse	Alteplase	50mg	QLSP-948-16 (Có QĐ gia hạn số 683/QĐ-QLD ngày 25/10/2022)	Tiêm truyền	Bột đông khô và dung môi pha tiêm truyền	36 tháng	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Hộp gồm 1 lọ bột đông khô + 1 lọ nước cất pha tiêm	Lọ	10	10.830.000,0	108.300.000	BDG
3	8	Pradaxa	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	75mg	VN-17271-13 (Có QĐ gia hạn số 232/QĐ-QLD ngày 29/04/2022)	Uống	Viên nang cứng	36 tháng	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng	Viên	1.000	30.388,0	30.388.000	BDG
Cộng: 03 khoản																
Tổng cộng: 19 khoản															256.137.500	
															2.398.998.800	